

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22-9-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Thuý

Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 173/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Dương Văn A; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 221 tổ B phường C, quận D, thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay: Thôn E, xã G, huyện H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị I; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã L, huyện M, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Nhật Bản; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Dương Văn A trình bày:

Anh Dương Văn A và chị Phạm Thị I xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu vào năm 2014 nhưng đến ngày 10/4/2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận D, thành phố Hà Nội. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc, đến tháng 7 năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, cách nhìn nhận cuộc sống của hai bên không phù hợp với nhau. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng để hoà giải, hàn gắn

tình cảm vợ chồng; hai gia đình cũng nhiều lần can thiệp nhưng mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng. Do đó chị I về nhà bố mẹ đẻ Thôn K, xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng sinh sống. Đến tháng 5 năm 2022 chị I đã đi Nhật Bản, từ đó vợ chồng không liên lạc với nhau nữa. Anh không biết địa chỉ của chị I tại Nhật Bản, tuy nhiên anh được biết chị I vẫn thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Phạm Thị N; địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Từ khi chị I về nhà bố mẹ đẻ thì hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Phạm Thị I.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Dương Tiến O, sinh ngày 26/4/2016. Hiện con đang ở với anh nên anh đề nghị Toà án giao con Dương Tiến O cho anh được chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn là chị Phạm Thị I: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã thông báo cho gia đình chị I cung cấp địa chỉ của chị I tại Nhật Bản và yêu cầu gia đình chị I cho biết kết quả đã thông báo cho chị I biết để gửi lời khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ về Tòa án. Tòa án đã ghi ý kiến của mẹ đẻ chị I là bà Phạm Thị N thấy:

Quá trình chung sống vợ chồng anh A, chị I có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, khi biết mâu thuẫn của vợ chồng gia đình bà đã khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Sau đó mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên chị I có về gia đình bà sinh sống từ năm 2019, cũng từ đó hai vợ chồng đã sống ly thân. Từ năm 2022 đến nay chị I đi Nhật Bản chưa trở về Việt Nam. Bà vẫn thường xuyên liên lạc với chị I, bà đã nhận các thông báo của Tòa về cung cấp địa chỉ của chị I, bà có hỏi chị I nhưng chị I cũng không cung cấp cho bà. Chị I đã biết anh A xin ly hôn với chị, chị I có trao đổi với bà là chị I đồng ý ly hôn với anh A nhưng do chị ở xa không thể gửi ý kiến về cho Tòa án được.

Về con chung: Anh A và chị I có 01 con chung là Dương Tiến O, sinh ngày 26/4/2016, hiện cháu đang ở với anh A. Chị I có nói với bà hiện nay chị ở xa nên không thể chăm sóc con được nên chị đề nghị giao con cho anh A nuôi dưỡng. Quan điểm của gia đình bà cũng nhất trí với ý kiến của chị I. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai anh chị ấy tự thỏa thuận với nhau.

Về tài sản chung: Theo gia đình được biết thì vợ chồng không có tài sản chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố

tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu Tòa án đã thu thập thể hiện mâu thuẫn của anh A và chị I đã căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ly hôn giữa anh Dương Văn A và chị Phạm Thị I.

Về con chung: Anh A và chị I có 01 con chung là Dương Tiến O, sinh ngày 26/4/2016, hiện đang sinh sống cùng anh A nên đề nghị giao con Dương Tiến O cho anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh A không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về tài sản chung: Anh A trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về án phí: Anh A phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn là chị Phạm Thị I; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã L, huyện M, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Nhật Bản; nguyên đơn là anh Dương Văn A; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 221 tổ B phường C, quận D, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Thôn E, xã G, huyện H, thành phố Hà Nội căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, anh Dương Văn A vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Phạm Thị I vắng mặt mặc dù đã được tổng đạt, thông báo hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Văn A và chị Phạm Thị I kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu vào năm 2014 nhưng đến ngày 10/4/2019 mới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận D, thành phố Hà Nội, tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2019 do hai bên bất đồng nhau về quan điểm sống nên chị I đã về nhà bố mẹ đẻ ở và sau đó sang Nhật Bản, từ đó đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly

hôn của anh Dương Văn A với chị Phạm Thị I là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Anh A và chị I có 01 con chung Dương Tiến O, sinh ngày 26/4/2016 hiện nay đang ở với anh A. Ly hôn, chị anh A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con; cháu O cũng có nguyện vọng được ở với bố nên HĐXX căn cứ vào các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con Dương Tiến O cho anh Dương Văn A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh A trình bày không có tài sản chung, không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Dương Văn A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Văn A được ly hôn chị Phạm Thị I.

2. Về con chung: Giao con chung là Dương Tiến O, sinh ngày 26/4/2016 cho anh Dương Văn A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Dương Văn A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên anh A đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001538 ngày 02 tháng 6 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Về quyền kháng cáo:

Anh Dương Văn A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Chị Phạm Thị I có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường C, quận D, TP Hà Nội (GCNKH ngày 10/4/2019);
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Hồng

